

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 17/2019/HC-PT

Ngày: 11/04/2019.

V/v: *Khiếu kiện hành vi hành chính*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Bùi Thị Thu Hồng**.

Các thẩm phán : Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông **Phạm Tuấn An** - Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đinh Thúy Hương** - Cán bộ Tòa án.

Trong ngày 11 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 38 ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXPT-HC ngày 18 tháng 03 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/QĐ-HPT ngày 04/4/2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Đình C**, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Số A ngõ B, phường L, quận Đ, Hà Nội.

(Có mặt)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân phường A, quận Đ, Hà Nội;

Trụ sở: Số A, phường B, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Việt M** - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, Hà Nội.

(Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH H

Địa chỉ: 221B T, Quận C, Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Hoa N – Giám đốc xí nghiệp X.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Đình C trình bày như sau:

Ông C đang sử dụng thửa đất tại địa chỉ Số A phố M, phường B, quận Đ, Hà Nội. Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 788971 do UBND quận Đ cấp ngày 15/4/2010. Thời điểm ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ranh giới giữa diện tích đất nhà ông C được cấp với diện tích đất của Công ty T chưa xác định. Đến năm 2013, do Công ty CP T xây tường rào theo mốc giới nên ranh giới thửa đất có thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận. Diện tích đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên Giấy chứng nhận là 4,5m².

Ngày 11/05/2017, ông C có nộp hồ sơ tại UBND phường B đăng ký công nhận diện tích 4,5m² vào Giấy chứng nhận đã cấp. Ủy ban nhân dân phường B đã tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

Tuy nhiên, sau khi tiếp nhận hồ sơ của ông C, UBND phường B đã có hành vi làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C như:

- Không thực hiện việc xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai.
- Không niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại UBND phường và khu dân cư nơi có đất trong thời hạn 15 ngày.
- Không lập tờ trình kèm theo hồ sơ gửi UBND cấp quận đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 15/05/2017, UBND phường B ra Thông báo số 411/TB về việc bổ sung hồ sơ, nhưng nội dung không nêu rõ công dân phải bổ sung hồ sơ gì.

- Thông báo của UBND phường B căn cứ vào Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015 ngày 20/10/2015 của Chính Phủ nhưng tại Điều luật trên lại không quy định như Thông báo của UBND phường.

Như vậy, Thông báo của UBND phường B là tự đặt ra thủ tục hành chính ngoài quy định chung, gây phiền hà đối với ông và không thực hiện thủ tục hành chính mà theo quy định của pháp luật đất đai đã đủ điều kiện để thực hiện. Những hành vi hành chính này của UBND phường B là hành vi vi phạm pháp luật về đất đai làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của ông C.

Ngày 19/05/2017 ông C gửi đơn khiếu nại Chủ tịch UBND phường B nhưng không được giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại, nên ngày 26/01/2018 ông C đã nộp Đơn khởi kiện hành chính tại Tòa án nhân dân quận Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc UBND phường B phải thực hiện việc kiểm tra hồ sơ đăng ký công nhận bổ sung diện tích 4,5m² đất vào giấy chứng nhận đã cấp của ông C tại Số A phố M, phường B, quận Đ, Hà Nội, xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai, niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại Trụ sở UBND phường B và khu dân cư nơi có đất trong thời hạn 15 ngày, lập tờ trình kèm theo hồ sơ gửi UBND quận Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người bị kiện UBND phường B do ông Phạm Việt M đại diện theo ủy quyền của trình bày:

Ngày 11/05/2017 UBND phường B nhận được hồ sơ đề nghị cấp bổ sung phần diện tích đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước của ông Nguyễn Đình C tại địa chỉ số 06 M, phường B. Theo hồ sơ đề nghị cấp bổ sung của ông C, nhà đất địa chỉ số 6 phố M thuộc khu tập thể Công ty H đã được UBND quận Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu số BA 788971, mã số 0019010000094 theo Quyết định số 922/2010/QĐ-UB ngày 15/4/2010 của UBND quận Đ cho ông Nguyễn Đình C và bà Lê Thanh H với diện tích 55,7m² (nhà mua theo Nghị định 61/CP của Chính phủ).

Qua kiểm tra thực tế phần diện tích ông C đề nghị mua bổ sung là phần diện tích đất trống nằm xen kẹt giữa phần diện tích đã được Cấp giấy chứng nhận của ông C và hàng rào khu đất của Công ty cổ phần T. Phần diện tích đất trống khoảng 4,5m² nằm

trong khuôn viên đất khu tập thể Công ty H đã bàn giao cho Công ty TNHH H quản lý để làm thủ tục bán nhà và cấp Giấy chứng nhận theo Nghị định 61/CP (nay là Nghị định 99/2015/ NĐ-CP). Do đó, nội dung đề nghị của ông C là mua bổ sung phần diện tích đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

Do sự việc của ông C không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND phường B. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 71 dẫn Nghị định 99/2015/ NĐ-CP ngày 20/10/2015 và Phụ lục số 12 của Thông tư số 19/2016/ TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng. Ngày 15/05/2017 UBND phường B có Thông báo 411/TB-UBND, hướng dẫn ông Nguyễn Đình C liên hệ với Công ty TNHH H hoặc Xí nghiệp T để được hướng dẫn thủ tục mua bổ sung phần diện tích liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

* Sau khi nhận được Thông báo số 411/TB-UBND ngày 15/05/2017 của UBND phường ông C có kiến nghị. Ngày 14/6/2017 UBND phường phối hợp với phòng TN-MT quận Đ, Xí nghiệp T có buổi làm việc với ông C. Tại buổi làm việc, Xí nghiệp T khẳng định việc ông C đề nghị mua bổ sung phần diện tích 4,5m² thuộc thẩm quyền giải quyết của Công ty TNHH H và hướng dẫn ông C liên hệ với Công ty TNHH H để làm thủ tục mua bổ sung phần diện tích liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

Nay, ông Nguyễn Đình C có đơn khởi kiện đối với UBND phường B. UBND phường B thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình C là không có căn cứ. Lý do:

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UB ngày 19/01/2006 UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty cổ phần T thuê 26.123 m² đất tại phường B để xây dựng khu vui chơi giải trí, văn hóa, thể thao và khu đỗ xe Hoàng Cầu.

Căn cứ văn bản số 3657/UBND ngày 06/07/2007 UBND thành phố Hà Nội có NNĐC về việc giải quyết kiến nghị của Công ty cổ phần T và một số hộ dân về phạm vi thực hiện dự án khu vui chơi, VHTT và đỗ xe Hoàng Cầu.

Căn cứ biên bản bàn giao mốc địa giới ngày 11/3/2008 của Sở TN-MT Hà Nội cho Công ty cổ phần T. Phần diện tích ông C đề nghị cấp bổ sung khoảng 4,5m² nằm trong khuôn viên đất khu tập thể Công ty H đã bàn giao cho Công ty TNHH H quản lý để làm thủ tục bán nhà và Cấp Giấy chứng nhận theo Nghị định số 61/CP (nay là Nghị định 99/2015/ NĐ-CP)

Căn cứ vào bản đồ điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất ô quy hoạch ký hiệu IV.3B trong QHCT phường B tỷ lệ:1/500.

Căn cứ Khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-Cp ngày 15/05/2014 của Chính Phủ.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Do đó, ý kiến của ông Nguyễn Đình C đề nghị Tòa án giải quyết buộc UBND phường B phải thực hiện việc kiểm tra hồ sơ đăng ký công nhận bổ sung diện tích 4,5m² đất vào giấy chứng nhận đã cấp của ông C tại Số A phố M, phường B, quận Đ, Hà Nội, xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai, niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại Trụ sở UBND phường B và khu dân cư nơi có đất trong thời hạn 15 ngày, lập tờ trình kèm theo hồ sơ gửi UBND quận Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng theo quy định của pháp luật, vì nhà đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận lần đầu. Phần diện tích 4,5m² là đất liền kề với diện tích đất đã cấp thuộc sở hữu nhà nước đã được bàn giao cho Công ty TNHH H nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu trên của ông C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH H do ông Hoàng Hoa N đại diện theo ủy quyền của trình bày:

- Theo hồ sơ lưu trữ tại Công ty TNHH H thể hiện; Nhà đất tại địa chỉ số 6 M, phường B, quận Đ, Hà Nội có nguồn gốc như sau: Tại Quyết định số 61/HCTC-QĐ Ngày 26/05/1997 của Giám đốc Công ty H- Sở nông nghiệp Hà Nội phân phố cho ông Hà Mạnh Thắng; ông Nguyễn Tiến Giang, ông Đặng Anh Tuấn là căn nhà cấp 4, trong khuôn viên 51,0m² , ngày 10/05/2000 ông C đã nhận chuyển nhượng lại căn hộ trên. Ngày 01/11/2006, Công ty H đã bàn giao nhà ở đất ở sang Công ty T quản lý và bán theo nhà theo nghị định 61/CP.

Ngày 25/11/2006, ông C có đơn mua nhà theo Nghị định 61/CP và đã được UBND quận Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đối với diện tích 4,5m² cạnh nhà ông C, theo như ông C trình bày là do dư ra khi Công ty T xây tường rào mốc giới, phần diện tích này không được cơ quan tự quản bàn giao lại cho xí nghiệp quản lý và phát triển nhà quận Đ thuộc Công ty TNHH H.

Ông Nam có ý kiến do công việc bận nên ông không thể tham gia tố tụng giải quyết vụ án, ông Nam đề nghị Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết vụ án vắng mặt ông, ông đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội đã xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình C buộc UBND phường B phải thực hiện việc kiểm tra hồ sơ đăng ký công nhận bổ sung diện tích 4,5m² đất vào giấy chứng nhận đã cấp của ông C tại Số A phố M, phường B, quận Đ, Hà Nội, xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai, niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại Trụ sở UBND phường B và khu dân cư nơi có đất trong thời hạn 15 ngày, lập tờ trình kèm theo hồ sơ gửi UBND quận Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/11/2018 ông C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thu thập đầy đủ chứng cứ quan trọng để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông C là người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông đối với Ủy ban nhân dân phường B, buộc Ủy ban nhân dân phường B làm các thủ tục, lập tờ trình kèm theo hồ sơ gửi UBND quận Đ đề nghị cấp bổ sung 4,5m² đất vào giấy chứng nhận đã cấp của ông C tại Số A phố M, phường B, quận Đ, Hà Nội,

- Người bị kiện trình bày nội dung như đã nêu ở trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình C, Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình C trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện. Tòa án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông C, Hội đồng xét xử thấy: Theo đơn kháng cáo ông C yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa ông C thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Việc thay đổi nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi kháng cáo nên Hội đồng xem xét tại phần nội dung của vụ án. Ngày 11/05/2017 ông Nguyễn Đình C nộp hồ sơ đề nghị UBND phường B cấp bổ sung phần diện tích 45m² đất liền với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước tại số 6 M, phường B, quận Đ, Hà nội đã được ông Nguyễn Đình C mua theo Nghị định 61/CP. Theo hồ sơ đề nghị cấp bổ sung của ông C, nhà đất địa chỉ số 6 phố M thuộc khu tập thể Công ty H, đã được UBND quận Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu số BA 788971, mã số 0019010000094 theo Quyết định số 922/2010/QĐ-UB ngày 15/4/2010 của UBND quận Đ cho ông Nguyễn Đình C và bà Lê Thanh H với diện tích 55,7m².

Sau khi tiếp nhận hồ sơ của ông C UBND phường B thấy hồ sơ của ông C không thuộc thẩm quyền của Ủy ban phường nên đã hướng dẫn ông C liên hệ với Công ty TNHH H để được hướng dẫn thủ tục mua thêm diện tích 4,5m² đất liền với nhà ở cũ vào giấy chứng nhận đã cấp.

Về nguồn gốc phần diện tích ông C đề nghị cấp bổ sung theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện là phần diện tích đất trống nằm xen kẹt giữa phần diện tích đã được Cấp giấy

chứng nhận của ông C và hàng rào khu đất của Công ty cổ phần T. Phần diện tích đất trống khoảng 4,5m² nằm trong khuôn viên đất khu tập thể Công ty H đã bàn giao cho Công ty TNHH H quản lý để làm thủ tục bán nhà và cấp Giấy chứng nhận theo Nghị định 61/CP (nay là Nghị định 99/2015/ NĐ-CP) ngày 01/11/2006 và được thể hiện tại Bản đồ điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất, nội dung đề nghị của ông C là mua bổ sung phần diện tích đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

Ngày 15/05/2017 Ủy ban nhân dân phường B ra thông báo số 411/TB với nội dung: Đề nghị ông C liên hệ với Công ty T hoặc xí nghiệp T để được hướng dẫn thủ tục mua phần diện tích đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

Theo Công văn số 9133/SXD-QLN ngày 05/10/2018 của Sở xây dựng Hà Nội trả lời Tòa án: Nhà đất tại địa chỉ số 6 M, phường B, quận Đ, Hà Nội là nhà có nguồn gốc thuộc sở hữu Nhà nước, đã bán nhà ở theo Nghị định 61/CP và được UBND quận Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Phần diện tích đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước mà khi bán hóa giá nhà ở hoặc bán nhà ở theo Nghị định 61/CP của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở hoặc bán nhà ở theo quy định của Nghị định số 34/2013/ NĐ- CP Nhà nước chưa giải quyết chuyển quyền sử dụng diện tích đất này hoặc khi bán nhà ở theo quy định của Nghị định này thì giải quyết phần diện tích đất liền kề theo Khoản 2, Điều 71 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015. Do vậy phần diện tích 4,5m², nếu liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thì đề nghị hộ dân liên hệ với Công ty TNHH H để được hướng dẫn thủ tục mua bổ sung phần diện tích này.

Căn cứ vào biên bản bàn giao nhà ở đất ở của Công ty H sang cho Công ty TNHH H, quy định Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-Cp ngày 20/10/2015 của Chính phủ và phụ lục số 12 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng. Việc tiếp nhận hồ sơ và hoàn tất các trình tự thủ tục đề nghị mua bổ sung phần diện tích khoảng 4,5m² liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước của ông Nguyễn Đình C thuộc thẩm quyền của Công ty TNHH H, việc UBND phường B không thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký bổ sung diện tích 4,5m² đất vào Giấy chứng nhận đã cấp cho ông C tại Số A phố M, phường B, quận Đ, Hà Nội mà ban hành Thông báo 411/TB-UBND ngày 15/05/2017 hướng dẫn ông Nguyễn Đình C liên hệ với Công ty TNHH H hoặc Xí nghiệp T để được hướng dẫn thủ tục mua bổ sung phần diện tích liền kề với nhà ở cũ thuộc sở

hữu nhà nước là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc ông C đề nghị Tòa án giải quyết buộc UBND phường B Dừa phải thực hiện việc kiểm tra hồ sơ đăng ký công nhận bổ sung diện tích 4,5m² đất vào giấy chứng nhận đã cấp của ông C tại Số A phố M, phường B, quận Đ, Hà Nội, xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai, niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại Trụ sở UBND phường B và khu dân cư nơi có đất trong thời hạn 15 ngày, lập tờ trình kèm theo hồ sơ gửi UBND quận Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

Bản án sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông C là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C không xuất trình tài liệu nào khác để chứng minh làm thay đổi nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận ông Nguyễn Đình C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 4 Điều 225, khoản 1 Điều 241, Điều 244 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-Cp ngày 15/05/2014 của Chính Phủ.

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

- Căn cứ quy định Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.

- Căn cứ phụ lục số 12 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng.

- Căn cứ Luật đất đai.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình C, giữ nguyên bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình C buộc UBND phường B phải thực hiện việc kiểm tra hồ sơ đăng ký công nhận bổ sung diện tích 4,5m² đất vào giấy chứng nhận đã cấp của ông C tại Số A phố M, phường B, quận Đ, Hà Nội, xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai, niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại Trụ sở UBND phường B và khu dân cư nơi có đất trong thời hạn 15 ngày, lập tờ trình kèm theo hồ sơ gửi UBND quận Đ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đình C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006993 ngày 06 tháng 4 năm 2018 và 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007943 ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ. Xác định ông C đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 04 năm 2019.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Đ;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hồng